TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 284/2024/DS-PT
Ngày: 22-5-2024
V/v tranh chấp: "Quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Ông Mai Hoàng Khải.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp "Quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 347/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 217/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Huỳnh Văn Út L, sinh năm 1974 (có đơn đề nghị vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Cao Hoàng Ơ, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: số H N, Ấp A, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Văn E, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trương Thị D, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà D: Ông Cao Hoàng Ơ, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: số H N, Ấp A, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Lê Thị R, sinh năm 1966 (có đơn đề nghị vắng mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1953 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

5. Ông Huỳnh Văn D1, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

6. Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1964 (có đơn đề nghị vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

7. Ông Huỳnh Văn Dễ N, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

8. Ông Huỳnh Văn Dễ L1, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

9. Ông Huỳnh Văn Út N1, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

10. Bà Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

11. Bà Huỳnh Thị Chi E1, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

12. Anh Huỳnh Hải S, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn ông Huỳnh Văn Út L và bị đơn ông Huỳnh Văn E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn Út L trình bày:

Cha mẹ ông là ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1928 (mất năm 2014) và bà Lê Thị M, sinh năm 1930 (mất năm 2021). Cha mẹ ông có 10 người con tên Huỳnh Văn Đ; Huỳnh Văn T; Huỳnh Văn N2 (đã mất, ông N2 có vợ con tên Trần Thị N3 và các con tên Huỳnh Thị Kim H, Huỳnh Thị Chi E1, Huỳnh Hải S); Huỳnh Thị T1, Huỳnh Văn D1, Huỳnh Văn E, Huỳnh Văn Dễ L1, Huỳnh Văn Dễ N, Huỳnh Văn Út L; Huỳnh Văn Út N1.

Năm 2010 ông B và bà M có cho ông canh tác 01 công đất mà không có làm thủ tục sang tên, chỉ cặm nọc 02 đầu làm ranh, giáp ranh với đất ông là đất ông E, ông có vét một đường thoát nước khoảng 02 – 03 tấc thuộc quyền sử dụng đất của ông. Ông E có xin ông kè thêm vào cái bờ cho rộng ra để đi, năm

2011 ông E có đổ đal trên đường đi này và bao gồm cả bờ móng 02 – 03 tấc mà ông đã đắp và ông có đi trên bờ đal này.

Năm 2018 bà M cùng tất cả các anh chị em thỏa thuận phân chia thừa kế và làm thủ tục cho ông phần đất ông đang canh tác do ông E làm thủ tục cho ông. Hiện tại ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/7/2018 với diện tích 1.126,6m^2 là bao gồm hết bờ đal, bờ đal có diện tích 126,6m^2. Phần đất 1.650m^2 của ông E cặp theo bờ đal là ông E được nhận thừa kế.

Nay ông yêu cầu ông E trả lại cho ông 126,6m^2 đất qua đo đạc thực tế là 166,4m^2 là đường đal ông E đang sử dụng, ông không bồi thường giá trị đường đal cho ông E và yêu cầu ông E bồi thường huê lợi đối với diện tích 166,4m^2 từ ngày được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 05 năm với số tiền 2.000.000 đồng/năm, thành tiền 10.000.000 đồng.

Bị đơn ông Huỳnh Văn E trình bày:

Ông thống nhất về nhân thân của gia đình ông như ông Út L trình bày. Năm 2000 cha mẹ ông có cho ông Út L 1.000m^2 rồi anh em canh tác từ năm 2000, ông Út L có đắp bờ móng nhỏ 02 tấc, ông mới đắp đất kè vô hiện tại bờ đal 06 tấc và đất 02 bên giữ bờ đal nên bờ đi khoảng 1,2m. Năm 2011 ông đổ đal ông Út L cũng đồng ý, ông Út L sử dụng đất tới mí bờ đal có nọc ranh nằm mé đường đal. Phần đất giáp bờ ranh này ông mua của cha mẹ ông khoảng 1.700m^2 giá hai mươi mấy triệu, anh em ông đều biết sự việc kể cả ông Út L.

Năm 2018 mẹ ông cùng anh chị em trong gia đình thỏa thuận phân chia thừa kế để sang tên cho mấy anh em ông thì cán bộ đo vẽ nói đất đủ rồi, chỉ ranh để đo chỉ kéo dọc và kéo mấy đầu kênh. Ông không biết lý do vì sao ông Út L được cấp đất bao gồm cả đường đi của ông.

Nay ông không đồng ý trả lại phần đất này cho ông Út L vì đất này của ông, phần đất ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông thiếu. Ông không đồng ý bồi thường huê lợi cho ông Út L với số tiền 10.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị D trình bày:

Bà là vợ của ông Út L, thửa đất 342 là ông Út L được nhận thừa kế từ cha mẹ, bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Út L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị R trình bày:

Bà là vợ của ông E, bà thống nhất với ý kiến của ông E đã trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T trình bày:

Ông là anh ruột của ông Út L và ông E, khi cha ông còn sống có cho mỗi người con 01 công đất và các anh em canh tác cho đến khi cha mất mới làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2018. Ông có ký tên vào Văn bản phân chia thừa kế.

Đường đal đi vào nhà của ông E có từ lâu, tất cả anh em đều có phụ làm, đường đal này nằm trên đất của ông E. Khi cơ quan chức năng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông E và ông Út L thì vì sao trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Út L có bao gồm luôn đường đal của ông E ông không rõ.

Ông khẳng định đường đal nằm giữa đất của ông E và ông Út L là thuộc quyền sử dụng đất của ông E.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn D1 trình bày:

Ông là anh ruột của ông Út L và ông E, khi cha ông còn sống có cho mỗi người con 01 công đất và các anh em canh tác cho đến khi cha mất mới làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2018. Ông có ký tên vào Văn bản phân chia thừa kế.

Đường đal đi vào nhà của ông E có từ lâu, tất cả anh em đều có phụ làm, đường đal này nằm trên đất của ông E. Khi cơ quan chức năng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông E và ông Út L thì vì sao trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Út L có bao gồm luôn đường đal của ông E ông không rõ.

Ông khẳng định đường đal nằm giữa đất của ông E và ông Út L là thuộc quyền sử dụng đất của ông E.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Dễ N trình bày:

Ông là anh ruột của ông Út L và là em của ông E, khi cha ông còn sống có cho mỗi người con 01 công đất và các anh em canh tác cho đến khi cha mất mới làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2018. Ông có ký tên vào Văn bản phân chia thừa kế.

Đường đal đi vào nhà của ông E có từ lâu, tất cả anh em đều có phụ làm, đường đal này nằm trên đất của ông E. Khi cơ quan chức năng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông E và ông Út L thì vì sao trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Út L có bao gồm luôn đường đal của ông E ông không rõ.

Ông khẳng định đường đal nằm giữa đất của ông E và ông Út L là thuộc quyền sử dụng đất của ông E.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T1 trình bày:

Bà là chị ruột của ông Út L và của ông E, khi cha bà còn sống có cho mỗi người con 01 công đất và các anh em canh tác cho đến khi cha mất mới làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2018. Bà có ký tên vào Văn bản phân chia thừa kế.

Đường đal đi vào nhà của ông E có từ lâu, tất cả anh em đều có phụ làm, đường đal này nằm trên đất của ông E. Khi cơ quan chức năng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông E và ông Út L thì vì sao trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Út L có bao gồm luôn đường đal của ông E bà không rõ.

Bà khẳng định đường đal nằm giữa đất của ông E và ông Út L là thuộc quyền sử dụng đất của ông E.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Đ trình bày:

Mẹ ông là bà Lê Thị M, sinh năm 1930 mất năm 2021. Cha ông là ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1929, mất năm 2014. Cha mẹ các ông có 10 người con. Lúc sinh thời cha mẹ các ông có chia cho các anh em trong gia đình mỗi người 1.000m^2 đất (một công đất) để làm ruộng, việc chia đất được thực hiện từ năm

2000, khi chia đất các anh em tự tiến hành cắm trụ bê tông để làm ranh nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Mãi đến năm 2018, sau khi cha các ông mất, các anh chị em trong gia đình bao gồm cả mẹ ông mới tiến hành thủ tục phân chia di sản thừa kế và làm thủ tục sang tên cho các anh em trong gia đình trong đó có ông Huỳnh Văn E và ông Huỳnh Văn Út L.

Ông Út L được cha mẹ ông chia 1.000m^2 đất, còn ông E được chia phần diện tích nhiều hơn ông Út L do ông E trả tiền mua thêm đất cho cha mẹ. Ranh giới giữa ông E và ông Út L một đầu phía Bắc có cắm 01 trụ bê tông làm ranh giới do chính ông Út L tự cắm từ năm 2000 đến nay vẫn còn. Đầu còn lại ở phía Nam giáp bờ kênh Sáu Nhà Thiếc do bồi đắp hàng năm nên không còn trụ ranh. Trên phần đất giáp ranh này là một bờ ruộng có từ năm 2000 và được đổ bê tông làm đường đi từ năm 2011 có chiều ngang khoảng 1,2m, dài khoảng 90m. Con đường này nằm trong phần đất của ông E và do các anh em trong gia đình cùng đổ bê tông trong đó có cả ông Út L cùng làm từ năm 2011 cho đến nay. Con đường này cũng tạo thành bờ móng để làm ranh giới đất giữa ông E và ông Út L.

Vì ranh giới đất giữa hai bên đã có từ năm 2000, sử dụng ổn định lâu dài từ đó cho đến nay, ông Út L cũng tự nguyện cắm ranh và không có ý kiến gì hay tranh chấp gì tại thời điểm đó. Diện tích ông Út L sử dụng hiện nay là 1.000m^2 là đúng như sự phân chia của cha mẹ cho ông Út L và các anh em trong gia đình sử dụng dụng từ năm 2000 cho đến nay. Còn phần diện tích đất 126,6m^2 tăng thêm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Út L là do có sự nhầm lẫn trong việc đo đạc để làm thủ tục sang tên cho ông Út L. Ông xác nhận ông E không có lấn ranh của ông Út L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Dễ L1, ông Huỳnh Văn Út N1 và anh Huỳnh Hải S trình bày:

Ông Dễ L1, ông Út N1 và anh S thống nhất với nội dung trình bày của ông Huỳnh Văn Đ và xác nhận ông E không có lấn ranh của ông Út L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Kim H, chị Huỳnh Thị Chi E1 có đơn xin vắng mặt.

Bản án dân sự sơ thẩm số 347/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 2, khoản 6 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 166 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 175, Điều 176 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 và 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Út L.

Buộc ông Huỳnh Văn E có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Huỳnh Văn Út L số tiền 49.920.000 đồng tương đương diện tích 166,4m^2 thuộc thửa đất số 342, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.126,6m^2, loại đất trồng lúa, địa chỉ: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09431 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 20/7/2018 cho ông Huỳnh Văn Út L.

Kể từ ngày ông Huỳnh Văn Út L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Huỳnh Văn E không trả số tiền trên thì hàng tháng ông E phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Công nhận cho ông Huỳnh Văn E phần đất diện tích 166,4m^2 thuộc thửa đất số 342, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.126,6m^2, loại đất trồng lúa, địa chỉ: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09431 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 20/7/2018 cho ông Huỳnh Văn Út L.

Công nhận cho ông Huỳnh Văn Ú Lớn phần đất thửa đất số 342, tờ bản đồ số 26, diện tích 960,3m^2, loại đất trồng lúa, địa chỉ: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09431 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 20/7/2018 cho ông Huỳnh Văn Út L.

Có sơ đồ kèm theo. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Huỳnh Văn Út L và ông Huỳnh Văn E được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký kê khai đối với quyền sử dụng dụng đất theo quy định. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Út L yêu cầu ông Huỳnh Văn E bồi thường huê lợi trên đất với số tiền 10.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 22/9/2023, bị đơn ông Huỳnh Văn E có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 22/9/2023, nguyên đơn ông Huỳnh Văn Út L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét các nội dung:

- Phần án tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông;

- Phần tạm ứng án phí khởi kiện bổ sung: ông khởi kiện tranh chấp yêu cầu bồi thường 10.000.000 đồng nhưng Tòa án yêu cầu ông nộp tạm ứng án phí 600.000 đồng, không phù hợp với quy định ứng 50% của 5% số tiền tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Út L và bà D: đường dal tranh chấp không phải là đường đi duy nhất mà ông E sử dụng, ông E tự ý đổ đal làm đường và quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ú Lớn đều do ông E làm thủ tục nên mới phát sinh tranh chấp này; đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông E trả đất đường đal lại cho ông Út L, không đồng ý nhận giá trị bằng tiền và phải trả số tiền thiệt hại huê lợi là 10.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do nguyên đơn và bị đơn nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại các điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết, Tòa án sơ thẩm xác định tranh chấp "Quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản" là đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thuộc phạm vi xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự và khoản 14 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Huỳnh Văn Út L, bà Lê Thị R, bà Huỳnh Thị T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; đối với các đương sự là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt họ.

[2] Về nội dung xét kháng cáo:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2022 (bút lục 24) ông Huỳnh Văn Út L yêu cầu ông Huỳnh Văn E trả phần đất lấn chiếm có diện tích 126,6m^2 đất thuộc thửa 342, tờ bản đồ số 26, diện tích 1650,1m^2, đất lúa tại ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận số vào sổ: CS09431 ngày 20/7/2018 cho ông Huỳnh Văn Út L.

Ngày 05/7/2023 ông Huỳnh Văn Út L có yêu cầu khởi kiện sửa đổi bổ sung (bút lục 162):

1/. Qua đo đạc thực tế phần đất lấn chiếm nhiều hơn dự kiến ban đầu nên ông Huỳnh Văn Út L sửa đổi yêu cầu khởi kiện đòi ông E trả diện tích đất 166,4m^2 (thay cho diện tích 126,6m^2).

2/. Bổ sung yêu cầu ông E phải bồi thường huê lợi đối với diện tích đất 166,4m^2 từ ngày cấp Giấy chứng nhận là 05 năm với số tiền 2.000.000 đồng/năm thành tiền là 10.000.000 đồng.

[2.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp và quá trình sử dụng đất:

Ông Huỳnh Văn Út L là chủ sử dụng thửa đất số 342, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.126,6m^2, loại đất trồng lúa, địa chỉ: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09431 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 20/7/2018 (bút lục 89). Giáp ranh về cạnh phía đông của thửa 342 là thửa đất số 338, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.650,1m^2, loại đất trồng lúa, địa chỉ: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS09443 ngày 20/7/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Huỳnh Văn E (bút lục 72). Nguồn gốc của hai thửa đất nêu trên là của hai cụ Huỳnh Văn B (sinh 1929, chết ngày 05/9/2014) và Lê Thị M (sinh 1930, chết ngày 13/12/2021) được phân chia theo "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" ngày 18/6/2018 (bút lục 99). Phần đất tranh chấp là đoạn đường đal (đường bê tông) do ông E tạo và sử dụng vào năm 2007, hiện có vị trí nằm giáp hai thửa đất số 342 và 338, đo đạc thực tế có ký hiệu là (4): 148,9m^2 và (1): 52,0m^2 tổng cộng là 200,9m^2.

[2.2] Nhận thấy, vào thời điểm phân chia thửa đất số 342 cho ông Ú lớn và thửa đất số 338 cho ông E theo "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" ngày 18/6/2018 thì đoạn đường đal do ông E sử dụng đã hình thành. Sau khi thực hiện Văn bản thỏa thuận phân chia thì hai ông tiến hành làm thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất và có đo đạc hiện trạng các thửa đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện G thực hiện cùng ngày 21/9/2017 (bút lục 86, 102). Đối chiếu hai Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hai thửa số 342 và 338 cùng ngày 21/9/2017 và Sơ đồ trích đo thửa đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G lập ngày 09/5/2022 (bút lục 66). Xét theo ranh bản đồ chính quy, về cạnh bắc thửa 342 giáp đất Huỳnh Văn E xác định vào năm 2017 là 11,11 mét – đo vẽ vào năm 2022 là 10,63m + 0,48m = 11,11 mét, theo sơ đồ đoạn 0,48m là một phần đoạn đường đal của ông E sử dụng. Về cạnh nam của thửa 342 giáp bờ kênh Sáu Nhà Thiết xác định vào năm 2017 là 15,16 mét – đo vẽ vào năm 2022 là 11,73m + 1,7m + 0,5m + 1,12m = 15,05 mét, theo sơ đồ đoạn 1,7 là đường đal và đoạn 0,5m + 1,12m thuộc thửa 338. Như vậy, Sơ đồ trích đo thửa đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G lập ngày 09/5/2022 (bút lục 66), trong diện tích đường đal 200,9m^2 thì có 148,9m^2 đất ký hiệu (4) và 17,5m^2 ký hiệu (3), tổng cộng 166,4m^2 đất là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Út L nhưng do ông E sử dụng làm đường đi là 148,9m^2 đất ký hiệu (4), phần 17,5m^2 đất ký hiệu (3) là đất ruộng nằm sát cạnh đường đal về hướng thửa 338; đoạn đường đal còn lại ký hiệu (1): 52m^2 thì thuộc thửa số 338 do ông E chủ sử dụng.

Xét thấy, đường đal do ông E sử dụng từ trước khi ông Út L được phân chia đất, khi phân chia đất có tiến hành đo đạc hiện trạng thửa đất nhưng ông Út L không có ý kiến gì về đường đal này; mặt khác, cho đến thời điểm tranh chấp thì ông E vẫn còn nhu cầu sử dụng đường đal và không có lối đi nào khác nên cần tiếp tục cho ông E sử dụng, ông E phải đền bù cho ông Út L giá trị diện tích 166,4m^2.

Về giá trị quyền sử dụng đất, Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của ông Út L tại phiên tòa sơ thẩm (bút lục 180) nên cấp sơ thẩm xác định giá 300.000 đồng/m^2 đất là phù hợp.

[2.3] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận cho ông Huỳnh Văn E phần đất diện tích 166,4m^2 thuộc thửa đất số 342 là không phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật Đất đai. Bởi lẽ, việc ông E sử dụng lối đi và trả giá trị đất cho ông Út L không làm mất đi quyền sử dụng đất của ông Út L đối với phần đất 166,4m^2; trường hợp này, theo quy định điểm l khoản 4 Điều 95 Luật Đất đai, các bên chỉ cần đăng ký biến động khi xác lập quyền sử dụng hạn chế liền kề là phù hợp, nên cần sửa bản án sơ thẩm đối với nội dung này.

[2.4] Hai bên đương sự thống nhất từ thời điểm ông Út L được công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp vào ngày 20/7/2018 đến khi xảy ra tranh chấp thì phần diện tích đường đal không có cây trồng hay tài sản nào khác. Ông Út L không có chứng cứ chứng minh là có thiệt hại huê lợi trên phần đất nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu ông E phải bồi thường huê lợi đối với diện tích đất 166,4m^2 từ ngày cấp Giấy chứng nhận là 05 năm với số tiền 2.000.000 đồng/năm thành tiền là 10.000.000 đồng của ông Út L là đúng quy định, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông Út L.

Như nhận định tại phần [2.2] đã xác định ông E sử dụng đường đal làm đường đi có diện tích 166,4m^2 đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Út L và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông Út L nên ông E phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 9.134.598 đồng là phù hợp, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông E.

[3] Vấn đề rút kinh nghiệm:

Cấp sơ thẩm có sai sót như sau:

[3.1] Ông Huỳnh Văn Út L có yêu cầu khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 05/7/2023 (bút lục 162) về yêu cầu sửa đổi yêu cầu khởi kiện đòi ông E trả diện tích đất 166,4m^2, thay cho diện tích 126,6m^2 theo yêu cầu khởi kiện ban đầu là không vượt quá phạm vi tranh chấp quyền sử dụng đất, đồng thời đây là tranh chấp được áp dụng loại án phí vụ án dân sự không có giá ngạch nên cấp sơ thẩm thông báo cho ông Út L nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng cho yêu cầu sửa đổi bổ sung này là chưa phù hợp. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã xử lý án phí sơ thẩm đúng quy định nên không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Út L.

[3.2] Phần quyết định Bản án sơ thẩm tuyên "*Công nhận cho ông Huỳnh Văn Ú Lớn phần đất thửa đất số 342, tờ bản đồ số 26, diện tích 960,3m^2...*" là vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự. Bởi lẽ, các đương sự không có tranh chấp; lẽ ra, cấp phúc thẩm phải hủy một phần bản án sơ thẩm, nhưng nhận thấy nội dung này không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, nên chỉ cần điều chỉnh lại là phù hợp.

Mặc dù cấp sơ thẩm có vi phạm nêu trên nhưng về đường lối giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã dựa trên cơ sở quy định của pháp luật để giải quyết là có căn cứ nên cấp phúc thẩm không cần thiết phải hủy án; cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm để giải quyết các vụ án khác.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên nguyên đơn và bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Về ý kiến và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2, khoản 6 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 148, Điều 166, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 175, Điều 176, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm l khoản 4 Điều 95 Luật Đất đai;

Căn cứ vào khoản 1 và 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn Út L.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn E.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 347/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Út L.

Buộc ông Huỳnh Văn E có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Huỳnh Văn Út L số tiền 49.920.000 đồng tương đương diện tích lối đi (đường đal) 166,4m^2 đất, thuộc thửa đất số 342 - tờ bản đồ số 26 - diện tích 1.126,6m^2 - loại đất trồng lúa - địa chỉ: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09431 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 20/7/2018 cho ông Huỳnh Văn Út L. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Có sơ đồ trích đo thửa đất kèm theo.

Kể từ ngày ông Huỳnh Văn Út L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Huỳnh Văn E không trả số tiền trên thì hàng tháng ông E phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Các đương sự được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định tại điểm l khoản 4 Điều 95 của Luật Đất đai. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Út L yêu cầu ông Huỳnh Văn E bồi thường huê lợi trên đất với số tiền 10.000.000 đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Huỳnh Văn E có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Huỳnh Văn Út L số tiền 9.134.598 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn Út L phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006036 ngày 08/3/2022 và 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011633 ngày 05/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, nên ông Út L được hoàn lại 400.000 đồng.

Ông Huỳnh Văn E phải chịu 2.496.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

H1 lại ông Huỳnh Văn E số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011655 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

H1 lại ông Huỳnh Văn Út L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011669 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Nguyệt